TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST Ngày: 12/9/2022 Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn T;

2/ Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thuyến, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Võ Anh Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn T T, sinh năm 1986; địa chỉ: số Khu phố A, phường A, thành phố A, tỉnh Đồng Nai; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Đào C C, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: ấp A, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; tạm trú: tổ 5, khu phố KB, phường TC, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn T T trình bày:

Bà T và ông C chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre, theo giấy

chứng nhận kết hôn số 10/2014, quyển số 01/2013 ngày 30/10/2014. Vợ chồng bà T, ông C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không tôn trọng nhau; vợ chồng bà T, ông C đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C.

Về con chung: bà T và ông C có 01 con chung tên Đào C T, sinh ngày 22/8/2015, cháu T đang sống chung cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con vì bà T làm thợ cắt tóc, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng, đảm bảo khả năng nuôi cháu T.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn bà T giao nộp là bản sao bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu Nguyễn T T; bản chính đơn xác nhận tạm trú Nguyễn T T; bản sao giấy chứng nhận kết hôn giấy khai sinh Đào C T và văn bản cam kết.

Bị đơn ông Đào C C vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn T T có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Đào C C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông C.

[2] Bà Nguyễn T T và ông Đào C C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/2014, quyển số 01/2013 ngày 30/10/2014, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời trình bày của bà T thì trong thời gian chung sống giữa bà T và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không tôn trọng nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông C tham

gia tố tụng nhưng ông C vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông C vắng mặt không có lý do, là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông C là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà T yêu cầu được ly hôn với ông C, là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: bà T yêu cầu được nuôi con chung tên Đào C T, sinh ngày 22/8/2015. Cháu T đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống với bà T. Bà T làm thợ cắt tóc, thu nhập ổn định, đảm bảo khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng, là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T T như sau:

- Về hôn nhân: bà Nguyễn T T được ly hôn với ông Đào C C.

- Về con chung: giao con chung tên Đào C T, sinh ngày 22/8/2015 cho bà Nguyễn T T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đào C C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: bà Nguyễn T T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006025 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Hương Diệp